

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 216/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 01/01/1973, Số CCCD: Nơi cư trú: Tổ B, khu phố S, phường T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn*: Ông Lê Trường G, sinh ngày 01/01/1975, số CCCD: Nơi cư trú: Tổ B, khu phố S, phường T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Trần Thị Cẩm N và ông Lê Trường G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị Cẩm N và ông Lê Trường G thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Bà Trần Thị Cẩm N và ông Lê Trường G có 02 con chung tên Lê Thị Thùy T, sinh ngày 25/4/2002 và Lê Minh T1, sinh ngày 12/12/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị Cẩm N và ông Lê Trường G tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Không có.

2.5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Thị Cẩm N và ông Lê Trường G mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng bà N tự nguyện nộp thay phần án phí của ông G. Như vậy, bà N phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001309 ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà N đã nộp xong án phí và được hoàn trả số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 12 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai  
(ĐKKH số 01, quyền số 11 ngày 12/01/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Bảo Ngọc**